

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CAMIMEX GROUP**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	12 - 46
8. Phụ lục	47 - 50

\*\*\*\*\*

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Camimex Group (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Camimex Group (tên cũ là Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau) được thành lập theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000103908 (số cũ là 6103000065), đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 09 tháng 9 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

### **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau  
Điện thoại : (0290) 3.831.608  
Fax : (0290) 3.832.297

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Chế biến thủy sản các loại; Xuất khẩu thủy sản, nông sản thực phẩm; Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân; Nuôi tôm; Nuôi trồng thủy sản nội địa.

### **Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2020
Ông Bùi Đức Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2020
Ông Đặng Ngọc Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Trọng Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2020
Ông Huỳnh Văn Tấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2020

#### **Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Đăng Duẩn	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Hoàng Nghị	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2017

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Huỳnh Văn Tấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2020
Ông Bùi Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018
Ông Đặng Ngọc Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2019

#### **Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Sĩ Tuấn – Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2020).

Ông Bùi Sĩ Tuấn đã ủy quyền cho Ông Huỳnh Văn Tấn - Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Giấy ủy quyền số 01/UQ/HDQT/CMG.2021 ngày 01 tháng 01 năm 2021.

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tập đoàn.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



**Bùi Sĩ Tuấn**  
Chủ tịch

Ngày 27 tháng 8 năm 2021

Head Office	: 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội	: 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ	: 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 4.0219/21/TC-AC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Camimex Group (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 26 tháng 8 năm 2021, từ trang 05 đến trang 50, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



**Nguyễn Quốc Ngữ – Phó Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3089-2020-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 27 tháng 8 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.056.515.561.633</b>	<b>929.797.165.097</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>2.321.692.984</b>	<b>6.282.632.017</b>
1. Tiền	111		2.321.692.984	6.282.632.017
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>8.429.677.547</b>	<b>8.232.635.616</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	8.429.677.547	8.232.635.616
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>486.695.134.907</b>	<b>299.881.955.208</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	430.808.232.694	82.500.140.150
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	24.511.421.950	206.583.020.551
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	33.787.838.327	29.476.886.714
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(2.412.358.064)	(18.678.092.207)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>548.735.737.848</b>	<b>602.350.615.573</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	585.123.443.127	638.738.320.852
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(36.387.705.279)	(36.387.705.279)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10.333.318.347</b>	<b>13.049.326.683</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.482.032.490	1.348.708.013
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.515.933.876	5.442.512.573
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	6.335.351.981	6.258.106.097
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, nhóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>536.012.161.072</b>	<b>562.870.586.406</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>8.764.672.000</b>	<b>8.770.422.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	8.764.672.000	8.770.422.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>328.347.875.122</b>	<b>341.594.432.480</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	301.120.749.463	309.696.604.199
- Nguyên giá	222		592.576.575.919	581.082.759.588
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(291.455.826.456)	(271.386.155.389)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	26.806.969.958	31.275.136.910
- Nguyên giá	225		45.424.320.258	45.424.320.258
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(18.617.350.300)	(14.149.183.348)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	420.155.701	622.691.371
- Nguyên giá	228		5.969.613.542	5.969.613.542
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.549.457.841)	(5.346.922.171)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>98.642.793.336</b>	<b>108.730.072.322</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	98.642.793.336	108.730.072.322
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>83.390.668.788</b>	<b>83.264.886.877</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	70.128.839.455	70.003.057.544
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	9.974.158.784	9.974.158.784
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(1.712.329.451)	(1.712.329.451)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>16.866.151.826</b>	<b>20.510.772.727</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	15.379.749.751	18.793.631.377
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.13	1.486.402.075	1.717.141.350
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.592.527.722.705</b>	<b>1.492.667.751.503</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.003.270.498.337</b>	<b>934.973.648.154</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>880.663.666.348</b>	<b>902.691.355.432</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14a	262.834.716.976	238.948.852.361
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	7.417.705.820	10.344.244.529
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	10.631.511.543	10.609.938.476
4. Phải trả người lao động	314	V.17	9.924.631.504	6.072.107.281
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	5.240.505.372	4.222.227.117
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	15.739.145.691	15.457.452.484
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	566.980.397.526	615.041.481.268
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	1.895.051.916	1.995.051.916
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>122.606.831.989</b>	<b>32.282.292.722</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	450.000.000	450.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	122.156.831.989	31.832.292.722
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, nhóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>589.257.224.368</b>	<b>557.694.103.349</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>589.257.224.368</b>	<b>557.694.103.349</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22a	304.087.510.000	304.087.510.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		304.087.510.000	304.087.510.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22a	5.106.126.126	5.106.126.126
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22a	542.933.836	542.933.836
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22a	73.742.603.525	48.597.749.007
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối				
lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		48.597.749.007	48.597.749.007
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		25.144.854.518	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.22a	205.778.050.881	199.359.784.380
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.592.527.722.705</b>	<b>1.492.667.751.503</b>

Cà Mau, ngày 26 tháng 8 năm 2021

  
 Nguyễn Thị Lam  
 Người lập

  
 Huỳnh Công Nhân  
 Kế toán trưởng

  
 Huỳnh Văn Tấn  
 Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	907.746.170.768	719.929.098.870
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	2.032.506.000	7.287.171.031
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		905.713.664.768	712.641.927.839
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	794.690.279.839	622.955.710.509
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		111.023.384.929	89.686.217.330
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	3.706.936.786	5.770.771.468
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	25.350.425.286	29.699.226.514
Trong đó: chi phí lãi vay	23		22.511.987.690	22.272.282.168
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	242.781.911	655.223.964
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	35.213.937.107	18.228.513.705
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	22.061.454.397	16.814.771.183
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		32.347.286.836	31.369.701.360
12. Thu nhập khác	31	VI.8	12.746.757.503	161.220.178
13. Chi phí khác	32	VI.9	6.792.666.424	477.188.619
14. Lợi nhuận khác	40		5.954.091.079	(315.968.441)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		38.301.377.915	31.053.732.919
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	6.507.517.621	4.137.792.651
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	230.739.275	(1.004.627.740)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>31.563.121.019</u>	<u>27.920.568.008</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>25.144.854.518</u>	<u>21.566.610.418</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>6.418.266.501</u>	<u>6.353.957.590</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11a	<u>827</u>	<u>1.068</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11a	<u>827</u>	<u>1.068</u>

Cà Mau, ngày 26 tháng 8 năm 2021

  
 Nguyễn Thị Lam  
 Người lập

  
 Huỳnh Công Nhân  
 Kế toán trưởng



  
 Huỳnh Văn Tấn  
 Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1.	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>38.301.377.915</b>	<b>31.053.732.919</b>
2.	<b>Điều chỉnh cho các khoản:</b>		
-	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	24.740.373.689	17.412.546.266
-	Các khoản dự phòng	2.412.358.064	3.214.368.033
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(694.675.235)	146.000.815
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(904.797.443)	(838.983.342)
-	Chi phí lãi vay	22.511.987.690	22.272.282.168
-	Các khoản điều chỉnh khác	-	-
3.	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>86.366.624.680</b>	<b>73.259.946.859</b>
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	(30.278.064.345)	168.605.442.859
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	53.614.877.725	19.384.630.933
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	(130.821.624.909)	(173.133.287.821)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	3.280.557.149	(1.291.359.850)
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	(22.402.800.344)	(23.021.258.644)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(5.465.031.107)	(3.463.427.083)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	-
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(100.000.000)	(20.000.000)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(45.805.461.151)</b>	<b>60.320.687.253</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(33.744.635.570)	(50.291.407.391)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	32.885.210.814	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(197.041.931)	(8.000.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(620.000.000)	(39.287.920.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	737.000.000	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	318.847.561	838.983.342
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(620.619.126)</b>	<b>(96.740.344.049)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
	Năm nay	Năm trước		
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	140.812.340.000	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20a,b	1.274.544.979.523	931.679.266.427
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20a,b	(1.228.538.119.721)	(1.038.832.910.725)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.20a	(3.608.460.078)	(3.351.320.810)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>42.398.399.724</b>	<b>30.307.374.892</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(4.027.680.553)</b>	<b>(6.112.281.904)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>6.282.632.017</b>	<b>39.679.568.000</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		66.741.520	268.404.526
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>2.321.692.984</b>	<b>33.835.690.622</b>

Cà Mau, ngày 26 tháng 8 năm 2021

  
 Nguyễn Thị Lam  
 Người lập

  
 Huỳnh Công Nhân  
 Kế toán trưởng

  
 Huỳnh Văn Tấn  
 Tổng Giám đốc



## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Camimex Group (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Bán buôn thủy sản và gia công thủy sản.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Trong kỳ, Tập đoàn có xuất bán thành phẩm cho các bên có liên quan (xem thuyết minh số VI.1b) với tổng doanh thu và giá vốn theo sổ sách lần lượt là 225.474.603.430 VND và 200.296.953.539 VND, làm phát sinh khoản lãi 25.177.649.891 VND.

#### 6. Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

#### 6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong kỳ, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

#### 6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Camimex	Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Gia công, chế biến, xuất khẩu	76,69%	76,69%	76,69%	76,69%
Công ty TNHH Camimex Organic <sup>(i)</sup>	Áp Nhà Hội, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	Sản xuất, kinh doanh tôm giống	80,55%	80,55%	99,01%	99,01%
Công ty Cổ phần Camimex Logistics	33/3 Gò Ô Môi, khu phố 2, phường Phú Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh	Cho thuê kho đông lạnh; vận chuyển hàng hóa; bốc xếp hàng hóa; dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu	86,67%	86,67%	86,67%	86,67%

<sup>(i)</sup> Công ty nắm giữ 19,8% quyền biểu quyết trực tiếp tại Công ty TNHH Camimex Organic và 79,21% quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Camimex.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 6c. Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Camimex Foods	Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	46%	46%	46%	46%
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Camimex (tên cũ là Công ty TNHH LD Công nghệ cao Camimex)	Ấp 1, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	Nuôi tôm	-	33,54%	-	33,54%
Công ty Cổ phần Camimex Quảng Trị	Trại sản xuất giống thủy sản mặn lợ Cửa Tùng, thị trấn Cửa Tùng, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	Sản xuất giống thủy sản, nuôi tôm, nuôi cá, nuôi thủy sản khác	49%	49%	49%	49%

#### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

#### 8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 921 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 918 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### I. Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

##### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trong kỳ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ** (tiếp theo)

ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

### **3. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và Ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

### **4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **5. Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### ***Các khoản đầu tư vào công ty liên kết***

##### ***Công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### ***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, nhóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ** (liếp theo)

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ** (tiếp theo)

### **8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu gồm các chi phí sau:

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### ***Tiền thuê đất trả trước***

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (36 năm).

#### ***Chi phí sửa chữa tài sản cố định***

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

#### ***Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng***

Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

#### ***Phí bảo lãnh vay vốn***

Phí bảo lãnh vay vốn phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

### **9. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 44
Máy móc và thiết bị	03 – 54
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 14
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

Trong kỳ Tập đoàn đã thay đổi thời gian khấu hao một số tài sản cố định hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc từ 5 năm và 8 năm lên thành 20 năm. Tập đoàn tin rằng việc áp dụng thời gian khấu hao mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng tài sản cố định của Tập đoàn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	05

#### 11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

##### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà Tập đoàn đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm có thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### *Chương trình phần mềm máy tính*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

### **12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### **13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### **14. Trái phiếu thường**

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Tập đoàn theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

### **15. Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

#### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### **16. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm, hàng hóa như người sở hữu sản phẩm, hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm, hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### **Doanh thu gia công**

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

#### **Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động**

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

#### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### **18. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ sau.

### **19. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực Kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong



## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	217.587.102	2.992.385.095
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.088.230.804	3.290.246.922
Tiền đang chuyển	15.875.078	-
<b>Cộng</b>	<b>2.321.692.984</b>	<b>6.282.632.017</b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

#### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>8.429.677.547</b>	<b>8.429.677.547</b>	<b>8.232.635.616</b>	<b>8.232.635.616</b>
Tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng	8.429.677.547	8.429.677.547	8.232.635.616	8.232.635.616
<b>Dài hạn</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn 24 tháng (*)	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>13.429.677.547</b>	<b>13.429.677.547</b>	<b>13.232.635.616</b>	<b>13.232.635.616</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

(\*) Khoản tiền gửi này đã được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau và Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam (xem thuyết minh số V.20a và V.20b).

**2b. Đầu tư vào công ty liên kết**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Camimex Foods <sup>(i)</sup>	69.000.000.000	628.839.455	69.628.839.455	69.000.000.000	386.057.544	69.386.057.544
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Camimex (tên cũ là Công ty TNHH LD Công nghệ cao Camimex) <sup>(ii)</sup>	-	-	-	117.000.000	-	117.000.000
Công ty Cổ phần Camimex Quảng Trị <sup>(iii)</sup>	500.000.000	-	500.000.000	500.000.000	-	500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>69.500.000.000</b>	<b>628.839.455</b>	<b>70.128.839.455</b>	<b>69.617.000.000</b>	<b>386.057.544</b>	<b>70.003.057.544</b>

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001309274 đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 3 năm 2019 và đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 29 tháng 4 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp thì Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Camimex Foods 69.000.000.000 VND, tương đương 46% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn đã góp đủ vốn điều lệ vào Công ty này.
- (ii) Trong kỳ, Tập đoàn đã đầu tư thêm 620.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Công nghệ cao Camimex (tên cũ là Công ty TNHH LD Công nghệ cao Camimex) và đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp vào Công ty này.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200698186 đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 8 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp thì Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Camimex Quảng Trị 4.900.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Camimex Quảng Trị là 500.000.000 VND, số còn phải góp thêm là 4.400.000.000 VND.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Góp vốn trong kỳ	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Giá trị phần chuyển nhượng	Giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
Công ty Cổ phần Camimex Foods	69.386.057.544	-	248.297.018	-	(5.515.107)	69.628.839.455
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Camimex	117.000.000	620.000.000	-	(737.000.000)	-	-
Công ty Cổ phần Camimex Quảng Trị	500.000.000	-	-	-	-	500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>70.003.057.544</b>	<b>620.000.000</b>	<b>248.297.018</b>	<b>(737.000.000)</b>	<b>(5.515.107)</b>	<b>70.128.839.455</b>

**Tình hình hoạt động của các công ty liên kết**

Công ty Cổ phần Camimex Quảng Trị hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng nhà xưởng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Công ty Cổ phần Camimex Foods đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)***Giao dịch với các công ty liên kết*

Tập đoàn chỉ phát sinh giao dịch với Công ty Cổ phần Camimex Foods là công ty liên kết như sau:

	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bán hàng	35.347.921.326	-
Cung cấp dịch vụ	443.397.693	12.866.678
Mua hàng	61.708.241.651	42.290.842.936
Phí hỗ trợ mua tôm nguyên liệu	4.935.049.329	-
Chi phí gia công	858.519.740	-
Vay tiền không lãi suất	33.405.000.000	-
Trả tiền vay	(34.153.016.141)	-
Thu hồi vốn góp bằng tài sản cố định	-	15.000.000.000
Góp vốn bằng tiền	-	(39.287.920.000)

**2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
<b><i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i></b>				
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn <sup>(i)</sup>	8.974.158.784	(1.712.329.451)	8.974.158.784	(1.712.329.451)
Công ty Cổ phần Camimex – Nutrition <sup>(ii)</sup>	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>9.974.158.784</b>	<b>(1.712.329.451)</b>	<b>9.974.158.784</b>	<b>(1.712.329.451)</b>

<sup>(i)</sup> Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn nắm giữ 501.400 cổ phiếu, tương đương 10,02% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn.

<sup>(ii)</sup> Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108795337 đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 6 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp thì Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Camimex – Nutrition 1.000.000.000 VND, tương đương 10% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn đã góp đủ vốn điều lệ vào Công ty này.

*Giá trị hợp lý*

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

*Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	1.712.329.451	1.712.329.451
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.712.329.451</b>	<b>1.712.329.451</b>

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b>218.631.529.172</b>	<b>1.085.238.898</b>
Công ty Cổ phần Camimex Foods	-	890.080.927
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải	117.844.135.525	195.157.971

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát	50.156.832.079	-
Công ty TNHH Thủy sản Ngân Thiên Phú	50.630.561.568	-
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>212.176.703.522</b>	<b>81.414.901.252</b>
Mazzetta	-	11.373.625.002
Công ty TNHH Thương mại Kim Ngân Phú	51.577.001.476	-
Các khách hàng khác	160.599.702.046	70.041.276.250
<b>Cộng</b>	<b>430.808.232.694</b>	<b>82.500.140.150</b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Trả trước cho bên liên quan</b>	<b>1.320.437.215</b>	<b>101.611.439.499</b>
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải	1.320.437.215	101.611.439.499
<b>Trả trước cho các người bán khác</b>	<b>23.190.984.735</b>	<b>104.971.581.052</b>
CMC Seafood Corporation	-	2.389.180.590
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Xây dựng Trường Giang	13.030.000.000	17.876.646.000
M/s Satish Marine Exim Private Limited	-	12.855.493.670
Ông Huỳnh Công Nhân	-	45.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	10.160.984.735	26.850.260.792
<b>Cộng</b>	<b>24.511.421.950</b>	<b>206.583.020.551</b>

**5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>6.731.440.705</b>	-	<b>5.426.572.611</b>	-
Các cá nhân có liên quan - Tạm ứng	3.418.905.858	-	2.657.037.764	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải - Phải thu khác	1.778.728.778	-	1.235.728.778	-
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát - Phải thu khác	1.533.806.069	-	1.533.806.069	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>27.056.397.622</b>	<b>(592.338.300)</b>	<b>24.050.314.103</b>	<b>(456.662.398)</b>
H.T.Foods pvt., Ltd - Phải thu tiền xuất khẩu ủy thác	-	-	5.558.743.623	-
Tạm ứng nhân viên	14.762.983.350	-	5.926.895.413	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	64.204.567	-	25.367.274	-
Phải thu khác	12.229.209.705	(592.338.300)	12.539.307.793	(456.662.398)
<b>Cộng</b>	<b>33.787.838.327</b>	<b>(592.338.300)</b>	<b>29.476.886.714</b>	<b>(456.662.398)</b>

**5b. Phải thu dài hạn khác**

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****6. Nợ xấu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Mazzetta - Phải thu tiền bán hàng		-	Trên 3 năm	11.373.625.002
Công ty TNHH MTV Thiết kế - Giám sát - Xây dựng Hưng Long	Từ 02 năm đến trên 03 năm	739.361.500		-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Trên 3 năm	1.708.396.564	Trên 3 năm	7.304.467.205
<b>Cộng</b>		<b>2.447.758.064</b>		<b>18.678.092.207</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	18.678.092.207	18.864.394.176
Trích lập dự phòng bổ sung	2.412.358.064	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(140.361.205)
Xử lý xóa nợ	(18.678.092.207)	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.412.358.064</b>	<b>18.724.032.971</b>

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	9.502.714.803	-	8.236.110.894	-
Công cụ, dụng cụ	1.537.814.160	-	1.281.341.494	-
Thành phẩm	574.082.914.164	(36.387.705.279)	629.220.868.464	(36.387.705.279)
<b>Cộng</b>	<b>585.123.443.127</b>	<b>(36.387.705.279)</b>	<b>638.738.320.852</b>	<b>(36.387.705.279)</b>

Một số thành phẩm tồn kho cuối kỳ có giá trị ghi sổ là 223.800.000.000 VND (số đầu năm là 127.200.000.000 VND) đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau (xem thuyết minh số V.20a).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	36.387.705.279	30.022.655.456
Trích lập dự phòng bổ sung	-	3.354.729.238
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>36.387.705.279</b>	<b>33.377.384.694</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	1.159.896.966	804.648.472
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	127.770.198	347.302.709
Chi phí thuê nhà	15.000.000	53.750.000
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	179.365.326	143.006.832
<b>Cộng</b>	<b><u>1.482.032.490</u></b>	<b><u>1.348.708.013</u></b>

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	3.267.169.969	2.747.705.177
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	9.404.443.371	8.583.956.556
Tiền thuê đất	1.166.681.886	1.184.723.358
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng	152.814.502	1.087.814.498
Phí bảo lãnh vay vốn	458.868.059	519.309.725
Các chi phí trả trước dài hạn khác	929.771.964	4.670.122.063
<b>Cộng</b>	<b><u>15.379.749.751</u></b>	<b><u>18.793.631.377</u></b>

**9. Tài sản cố định hữu hình**

Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình xem phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 158.881.096.658 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng và Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam (xem thuyết minh số V.20a và V.20b).

**10. Tài sản cố định thuê tài chính**

	<u>Máy móc và thiết bị</u>
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	45.424.320.258
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>45.424.320.258</u></b>
<b>Giá trị hao mòn</b>	
Số đầu năm	14.149.183.348
Khấu hao trong kỳ	4.468.166.952
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>18.617.350.300</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	31.275.136.910
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>26.806.969.958</u></b>

**11. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	5.011.413.542	958.200.000	5.969.613.542
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>5.011.413.542</u></b>	<b><u>958.200.000</u></b>	<b><u>5.969.613.542</u></b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	408.200.000	408.200.000
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	4.806.777.721	540.144.450	5.346.922.171
Khấu hao trong kỳ	110.869.002	91.666.668	202.535.670
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4.917.646.723</b>	<b>631.811.118</b>	<b>5.549.457.841</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	204.635.821	418.055.550	622.691.371
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>93.766.819</b>	<b>326.388.882</b>	<b>420.155.701</b>

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Thanh lý, nhượng bán	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	31.284.038.323	1.487.789.467	(383.409.319)	(32.338.098.225)	50.320.246
Xây dựng cơ bản dở dang	77.446.033.999	21.146.439.091	-	-	98.592.473.090
- Công trình sửa chữa xí nghiệp 5	7.492.033.611	-	-	-	7.492.033.611
- Công trình hệ thống xử lý nước thải xí nghiệp 5	22.494.312.000	-	-	-	22.494.312.000
- Công trình máy ép Nobashi xí nghiệp 4	6.857.500.000	-	-	-	6.857.500.000
- Công trình dự án nuôi tôm công nghệ cao	11.512.270.000	-	-	-	11.512.270.000
- Công trình cung cấp, lắp đặt hệ thống lạnh xí nghiệp 4	3.903.075.000	-	-	-	3.903.075.000
- Công trình cung cấp, lắp đặt hệ thống lạnh xí nghiệp 5	5.500.000.000	-	-	-	5.500.000.000
- Công trình thiết kế hạng mục Nhà máy xí nghiệp 3- Zone 1 sản xuất Cà Chèm	200.000.000	16.114.752.727	-	-	16.314.752.727
- Các công trình khác	19.486.843.388	5.031.686.364	-	-	24.518.529.752
<b>Cộng</b>	<b>108.730.072.322</b>	<b>22.634.228.558</b>	<b>(383.409.319)</b>	<b>(32.338.098.225)</b>	<b>98.642.793.336</b>

**13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Số đầu năm	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	Số cuối kỳ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ			
- Chênh lệch tỷ giá của các khoản mục tiền tệ	10.066.449	(10.066.449)	-
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lãi chưa thực hiện	1.707.074.901	(220.672.826)	1.486.402.075
<b>Cộng</b>	<b>1.717.141.350</b>	<b>(230.739.275)</b>	<b>1.486.402.075</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

**14. Phải trả người bán****14a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải trả các bên liên quan</i></b>	<b>40.056.627.715</b>	<b>39.214.436.778</b>
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải	75.500.000	53.810.000
Công ty Cổ phần Camimex Foods	38.147.809.667	247.575.541
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát	1.833.318.048	1.882.489.352
Công ty TNHH Thủy sản Ngân Thiên Phú	-	37.030.561.885
<b><i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i></b>	<b>222.778.089.261</b>	<b>199.734.415.583</b>
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Thiên Mã Quỳnh	71.315.966.923	28.489.681.482
Ulka Seafoods (P)., Ltd	-	8.978.261.960
Interseas., Ltd	19.502.298.000	9.848.450.699
Aqua Geno Exim., Ltd	2.893.976.640	28.386.995.562
Trạm sinh thái 184	4.215.410.066	-
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Đa Phương	1.168.055.879	525.630.555
Công ty TNHH MTV Bùi Ngọc Trâm	12.443.242.011	-
Các nhà cung cấp khác	111.239.139.742	123.505.395.325
<b>Cộng</b>	<b>262.834.716.976</b>	<b>238.948.852.361</b>

**14b. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Nợ quá hạn của các nhà cung cấp khác</i></b>		
Tôm sinh thái	1.314.383.760	1.314.383.760
Các nhà cung cấp khác	936.713.122	1.485.396.837
<b>Cộng</b>	<b>2.251.096.882</b>	<b>2.799.780.597</b>

**15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Trả trước của các khách hàng khác</i></b>		
Bidfood Procurement Community., Ltd	2.827.739.625	2.827.040.385
Lp Foods Pte., Ltd	867.784.940	867.784.940
DKSH GMBH	-	4.648.017.000
Ooo Stelfish	1.035.900.000	-
Các khách hàng khác	2.686.281.255	2.001.402.204
<b>Cộng</b>	<b>7.417.705.820</b>	<b>10.344.244.529</b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### ***Thuế giá trị gia tăng***

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các nhóm mặt hàng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
- Hàng thủy sản chưa qua sơ chế bán ở khâu thương mại	Không kê khai, tính thuế
- Sản xuất giống thủy sản	Không chịu thuế
- Dịch vụ gia công sơ chế hàng thủy sản	5%
- Dịch vụ gia công chế biến hàng thủy sản	10%
- Các dịch vụ khác	10%

### ***Thuế xuất, nhập khẩu***

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

#### **Công ty Cổ phần Camimex Group**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

#### **Công ty Cổ phần Camimex**

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% đối với thu nhập từ nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản do Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản và thực hiện ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập khác với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

#### **Công ty TNHH Camimex Organic**

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ, Công ty kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ nuôi trồng, chế biến thủy sản.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

#### **Công ty Cổ phần Camimex Logistic**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ của các công ty trong Tập đoàn như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Công ty Cổ phần Camimex Group	881.972.002	8.182.861
Công ty Cổ phần Camimex	5.464.990.961	3.925.378.123
Công ty TNHH Camimex Organic	116.996.808	140.772.086
Công ty Cổ phần Camimex Logistic	43.557.850	63.459.581
<b>Cộng</b>	<b>6.507.517.621</b>	<b>4.137.792.651</b>

### **Thuế tài nguyên**

Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước dưới lòng đất và nước trên mặt với mức 5.000 VND/m<sup>3</sup> đối với nước dưới lòng đất và 4.000 VND/m<sup>3</sup> đối với nước trên mặt.

### **Thuế nhà đất**

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

### **Các loại thuế khác**

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

## **17. Phải trả người lao động**

Là tiền lương tháng 6 năm 2021 còn phải trả cho người lao động.

## **18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các tổ chức khác</b>		
Chi phí lãi vay phải trả	4.331.414.463	4.222.227.117
Chi phí phát hành trái phiếu	909.090.909	-
<b>Cộng</b>	<b>5.240.505.372</b>	<b>4.222.227.117</b>

## **19. Phải trả khác**

### **19a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Kinh phí công đoàn	4.755.224.097	4.633.678.096
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	1.988.354.212	384.350.780
Tài sản thừa chờ giải quyết	9.915.579	9.915.579
Cổ tức phải trả	-	531.216.162
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	415.000.000	310.000.000
Nhóm quản lý phát triển nuôi tôm sinh thái	-	733.141.951
Coop, Basel - Tiền mượn	7.847.186.019	7.879.430.079
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	723.465.784	975.719.837
<b>Cộng</b>	<b>15.739.145.691</b>	<b>15.457.452.484</b>

### **19b. Phải trả dài hạn khác**

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****19c. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Nợ quá hạn chưa thanh toán cho các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Coop, Basel - Tiền mượn	7.847.186.019	7.879.430.079
Kinh phí công đoàn	4.755.224.097	4.633.678.096
Thu tiền thanh lý hộ Nhà nước	44.761.905	44.761.905
Cổ tức phải trả	-	531.216.162
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	-	195.418.347
<b>Cộng</b>	<b><u>12.647.172.021</u></b>	<b><u>13.284.504.589</u></b>

**20. Vay và nợ thuê tài chính****20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<b><u>39.921.627.823</u></b>	<b><u>81.179.573.261</u></b>
Các cá nhân có liên quan <sup>(viii)</sup>	9.827.250.000	36.144.250.000
Vay Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải <sup>(viii)</sup>	12.818.900.000	22.011.829.297
Vay Công ty Cổ phần Camimex Foods <sup>(viii)</sup>	17.275.477.823	18.023.493.964
Vay Công ty Cổ phần Công nghệ cao Camimex (tên cũ là Công ty TNHH LD Công nghệ cao Camimex) <sup>(viii)</sup>	-	5.000.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b><u>527.058.769.703</u></b>	<b><u>533.861.908.007</u></b>
Vay ngắn hạn ngân hàng	427.210.667.700	367.097.736.688
- Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Cà Mau <sup>(i)</sup>	63.172.271.800	55.776.945.300
- Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau <sup>(i)</sup>	136.558.671.021	113.586.114.541
- Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau <sup>(ii)</sup>	76.892.650.970	88.240.420.938
- Vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam <sup>(iv)</sup>	35.292.330.019	39.234.150.828
- Vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ <sup>(v)</sup>	45.085.159.076	36.517.195.000
- Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng <sup>(vi)</sup>	36.471.239.545	-
- Vay Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh <sup>(vii)</sup>	33.738.345.269	33.742.910.081
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	83.500.882.205	48.980.553.933
- Vay Ông Nguyễn Ngọc Bình Thuận <sup>(ix)</sup>	12.725.000.000	-
- Vay các tổ chức và cá nhân khác <sup>(xiii)</sup>	70.775.882.205	48.980.553.933
Trái phiếu thường ngắn hạn	-	99.449.701.940
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	9.422.798.598	8.763.641.166
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	6.924.421.200	9.570.274.280
<b>Cộng</b>	<b><u>566.980.397.526</u></b>	<b><u>615.041.481.268</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

- (i) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hợp đồng tiền gửi, hàng hóa và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.2a, V.7 và VII.1a).
- (ii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị và phương tiện vận tải truyền dẫn và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.9).
- (iii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động mua tôm nguyên liệu với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.9).
- (iv) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý, tài sản hình thành trong tương lai và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.7, V.9 và VII.1a).
- (v) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bộ chứng từ thanh toán xuất khẩu, máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.9 và VII.1a).
- (vi) Vay không có tài sản đảm bảo của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng.
- (vii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất.
- (viii) Khoản vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác không lãi suất để bổ sung vốn hoạt động kinh doanh.
- (ix) Khoản vay Ông Nguyễn Ngọc Bình Thuận để bổ sung vốn hoạt động kinh doanh, với thời hạn 12 tháng và lãi suất 1,5%/tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn được trình bày ở phụ lục 03 đính kèm.

#### 20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Vay dài hạn ngân hàng	2.012.546.000	2.855.035.000
- Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau <sup>(1)</sup>	2.012.546.000	1.875.035.000
- Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau	-	980.000.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn các tổ chức khác	8.180.000.000	9.530.000.000
<i>Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam <sup>(iv)</sup></i>	<i>8.180.000.000</i>	<i>9.530.000.000</i>
Nợ thuê tài chính	15.179.640.212	19.447.257.722
<i>Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 7,2%/năm, thời hạn 05 năm.</i>	<i>15.179.640.212</i>	<i>19.447.257.722</i>
Trái phiếu thường dài hạn <sup>(iii)</sup>	96.784.645.777	-
<b>Cộng</b>	<b><u>122.156.831.989</u></b>	<b><u>31.832.292.722</u></b>

- (i) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Cà Mau để mua xe ô tô với lãi suất của 6 tháng đầu tiên là 9,0%/năm, từ tháng thứ 7 trở đi lãi suất được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần, thời hạn vay 48 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 15 tháng 01 năm 2015. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.9).
- (ii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam để đầu tư nhà máy xử lý nước thải-1000m<sup>3</sup>/ngày đêm tại nhà máy xí nghiệp 5 với lãi suất 2%/năm, thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 15 tháng 10 năm 2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng Chứng thư bảo lãnh Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Cà Mau, thế chấp Hợp đồng tiền gửi và toàn bộ hệ thống xử lý nước thải (xem thuyết minh số V.2a và V.9).
- (iii) Trái phiếu thường của Công ty Cổ phần Camimex và có đảm bảo kỳ hạn 24 tháng, tổng mệnh giá 100.000.000.000 VND, lãi suất 11,25%/năm được phát hành cho các nhà đầu tư riêng lẻ để bổ sung vốn lưu động.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Vay dài hạn ngân hàng	6.236.967.200	4.224.421.200	2.012.546.000
Vay dài hạn tổ chức khác	10.880.000.000	2.700.000.000	8.180.000.000
Nợ thuê tài chính	24.602.438.810	9.422.798.598	15.179.640.212
Trái phiếu thường	96.784.645.777	-	96.784.645.777
<b>Cộng</b>	<b><u>138.504.051.787</u></b>	<b><u>16.347.219.798</u></b>	<b><u>122.156.831.989</u></b>
<b>Số đầu năm</b>			
Vay dài hạn ngân hàng	9.725.309.280	6.870.274.280	2.855.035.000
Vay dài hạn tổ chức khác	12.230.000.000	2.700.000.000	9.530.000.000
Nợ thuê tài chính	28.210.898.888	8.763.641.166	19.447.257.722
<b>Cộng</b>	<b><u>50.166.208.168</u></b>	<b><u>18.333.915.446</u></b>	<b><u>31.832.292.722</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>			
Tiền gốc phải trả	9.422.798.598	15.179.640.212	24.602.438.810
Lãi thuê phải trả	1.812.907.194	185.917.150	1.998.824.344
<b>Nợ thuê tài chính phải trả</b>	<b>11.235.705.792</b>	<b>15.365.557.362</b>	<b>26.601.263.154</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền gốc phải trả	8.763.641.166	19.447.257.722	28.210.898.888
Lãi thuê phải trả	1.989.913.356	953.913.640	2.943.826.996
<b>Nợ thuê tài chính phải trả</b>	<b>10.753.554.522</b>	<b>20.401.171.362</b>	<b>31.154.725.884</b>

Chi tiết phát sinh của khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	2.855.035.000	1.300.000.000	(81.249.000)	(2.061.240.000)	2.012.546.000
Vay dài hạn tổ chức khác	9.530.000.000	-	-	(1.350.000.000)	8.180.000.000
Nợ thuê tài chính	19.447.257.722	-	-	(4.267.617.510)	15.179.640.212
Trái phiếu thường	-	100.019.232.878	(3.234.587.101)	-	96.784.645.777
<b>Cộng</b>	<b>31.832.292.722</b>	<b>101.319.232.878</b>	<b>(3.315.836.101)</b>	<b>(7.678.857.510)</b>	<b>122.156.831.989</b>

**20c. Vay và nợ quá hạn chưa thanh toán**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Gốc	Lãi	Cộng	Gốc	Lãi	Cộng
Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Minh Hải	1.431.937.200	-	1.431.937.200	3.732.786.280	-	3.732.786.280
<b>Cộng</b>	<b>1.431.937.200</b>	<b>-</b>	<b>1.431.937.200</b>	<b>3.732.786.280</b>	<b>-</b>	<b>3.732.786.280</b>

Khoản vay này chưa được thanh toán do Tập đoàn đang làm việc với Ngân hàng và chưa xác định được thời gian tất toán khoản nợ.

**21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.493.225.065	(100.000.000)	1.393.225.065
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	394.801.379	-	394.801.379
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	107.025.472	-	107.025.472
<b>Cộng</b>	<b>1.995.051.916</b>	<b>(100.000.000)</b>	<b>1.895.051.916</b>

**22. Vốn chủ sở hữu****22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục 04 đính kèm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ đông góp vốn	304.087.510.000	304.087.510.000
<b>Cộng</b>	<b><u>304.087.510.000</u></b>	<b><u>304.087.510.000</u></b>

**22c. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.408.751	30.408.751
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.408.751	30.408.751
- Cổ phiếu phổ thông	30.408.751	30.408.751
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.408.751	30.408.751
- Cổ phiếu phổ thông	30.408.751	30.408.751
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ****23a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	349.255.214	349.255.214
Trên 1 năm đến 5 năm	1.397.020.856	1.397.020.856
Trên 5 năm	5.733.606.430	6.082.861.644
<b>Cộng</b>	<b><u>7.479.882.500</u></b>	<b><u>7.829.137.714</u></b>

**23b. Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	27.816,58	99.038,98
Euro (EUR)	-	19,66

**23c. Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>		<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND	
Mazzetta	493.754,07	11.373.625.002	-	-	Đã quá hạn, không có khả năng thu hồi
CMC Seafood Corporation	110.000	2.389.180.590	-	-	Đã quá hạn, không có khả năng thu hồi
Các đối tượng khác	-	5.057.860.962	-	142.574.347	Đã quá hạn, không có khả năng thu hồi
<b>Cộng</b>		<b><u>18.820.666.554</u></b>		<b><u>142.574.347</u></b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	32.877.770.126	99.987.483.199
Doanh thu bán thành phẩm	853.025.379.137	613.411.750.403
Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.843.021.505	6.529.865.268
<b>Cộng</b>	<b>907.746.170.768</b>	<b>719.929.098.870</b>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn còn phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải</i>		
Bán hàng	117.706.782.283	67.015.882.916
Cung cấp dịch vụ	240.039.312	-
<i>Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát</i>		
Bán hàng	50.156.832.079	54.050.805.149
<i>Công ty TNHH Thủy sản Ngân Thiên Phú</i>		
Bán hàng	57.610.989.068	-

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	-	407.222.421
Hàng bán bị trả lại	1.966.467.600	6.879.948.610
Giảm giá hàng bán	66.038.400	-
<b>Cộng</b>	<b>2.032.506.000</b>	<b>7.287.171.031</b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	32.495.228.581	99.987.483.199
Giá vốn của thành phẩm đã bán	743.641.074.983	515.367.308.686
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	18.553.976.275	4.246.189.386
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	3.354.729.238
<b>Cộng</b>	<b>794.690.279.839</b>	<b>622.955.710.509</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	357.684.854	488.003.342
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	2.818.787	2.958.656
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.651.757.910	4.928.829.470
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	694.675.235	-
Cổ tức được chia	-	350.980.000
<b>Cộng</b>	<b>3.706.936.786</b>	<b>5.770.771.468</b>

**5. Chi phí tài chính**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	22.511.987.690	22.272.282.168
Chi phí phát hành trái phiếu	1.132.074.595	1.685.706.644
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.706.363.001	5.595.236.887
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	146.000.815
<b>Cộng</b>	<b>25.350.425.286</b>	<b>29.699.226.514</b>

**6. Chi phí bán hàng**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.135.839.605	2.008.118.656
Chi phí khấu hao tài sản cố định	102.000.000	102.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.367.079.264	13.617.351.506
Các chi phí khác	9.609.018.238	2.501.043.543
<b>Cộng</b>	<b>35.213.937.107</b>	<b>18.228.513.705</b>

**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	8.409.861.423	8.148.951.197
Chi phí đồ dùng văn phòng	955.998.792	47.342.973
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.893.055.590	1.877.880.609
Thuế, phí và lệ phí	86.269.120	84.800.032
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	2.412.358.064	(140.361.205)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	146.952.238	193.863.144
Các chi phí khác	8.156.959.170	6.602.294.433
<b>Cộng</b>	<b>22.061.454.397</b>	<b>16.814.771.183</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****8. Thu nhập khác**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định	547.112.589	-
Tiền bồi thường	8.116.224.721	-
Thu nhập từ xử lý công nợ	4.052.615.243	-
Tiền hỗ trợ doanh nghiệp	-	104.279.180
Thu nhập khác	30.804.950	56.940.998
<b>Cộng</b>	<b>12.746.757.503</b>	<b>161.220.178</b>

**9. Chi phí khác**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi quá hạn	-	71.501.207
Chi phí khấu hao tài sản không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	499.999.998	83.333.333
Thuế phạt, bị truy thu, vi phạm hành chính	79.334.757	201.244.861
Lãi phạt chậm nộp Bảo hiểm xã hội	2.438.374.813	-
Phí bảo hiểm trả thêm cho hợp đồng mua bán cũ	1.838.680.425	-
Chi phí khác	1.936.276.431	121.109.218
<b>Cộng</b>	<b>6.792.666.424</b>	<b>477.188.619</b>

**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	53.584.303
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	256.891.631	473.303.790
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(26.152.356)	(885.677.169)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(645.838.664)
<b>Cộng</b>	<b>230.739.275</b>	<b>(1.004.627.740)</b>

**11. Lãi trên cổ phiếu****11a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	25.144.854.518	21.566.610.418
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	25.144.854.518	21.566.610.418
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	30.408.751	20.195.072
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>827</b>	<b>1.068</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:		
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	30.408.751	13.221.234
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-	6.973.838
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b>30.408.751</b>	<b>20.195.072</b>

#### 11b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

#### 12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	578.025.298.269	528.889.994.029
Chi phí nhân công	61.079.286.017	50.137.131.357
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.740.373.689	17.412.546.266
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.566.534.808	24.284.297.147
Chi phí khác	77.219.877.624	27.131.756.674
<b>Cộng</b>	<b>774.631.370.407</b>	<b>647.855.725.473</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Các thành viên Hội đồng quản trị</b>		
Vay tiền không lãi suất	-	7.370.000.000
Trả tiền vay	-	(22.796.000.000)
Tạm ứng	4.239.810.074	6.681.930.602
Hoàn tạm ứng	2.633.454.980	-

**Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Bán tài sản được đầu tư từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang

32.885.210.814

**Cam kết bảo lãnh**

Các thành viên Hội đồng quản trị đã dùng cổ phiếu, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau và Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 99.102.360.000 VND (xem thuyết minh số V.20a).

**Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.5a và V.20a.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

**Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Camimex Group**

	<b>Tiền lương</b>	<b>Thù lao</b>	<b>Cộng thu nhập</b>
<b>Kỳ này</b>			
Ông Bùi Sĩ Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	36.000.000	36.000.000
Ông Huỳnh Văn Tấn - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	112.143.315	30.000.000	142.143.315
Ông Bùi Đức Cường - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	112.021.238	30.000.000	142.021.238
Ông Đặng Ngọc Sơn - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	112.021.238	30.000.000	142.021.238
Ông Nguyễn Trọng Hà - Thành viên Hội đồng quản trị	-	30.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Đăng Duẩn - Trưởng Ban kiểm soát	-	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Nghi - Thành viên Ban kiểm soát	-	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Văn Thắng - Thành viên Ban kiểm soát	-	18.000.000	18.000.000
<b>Cộng</b>	<b>336.185.791</b>	<b>216.000.000</b>	<b>552.185.791</b>
<b>Kỳ trước</b>			
Ông Bùi Sĩ Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	36.000.000	36.000.000
Ông Huỳnh Văn Tấn - Thành viên Hội đồng quản trị	31.687.381	500.000	32.187.381

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
kiêm Tổng Giám đốc			
Ông Bùi Đức Cường - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	116.058.519	30.000.000	146.058.519
Ông Đặng Ngọc Sơn - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	116.063.532	30.000.000	146.063.532
Ông Nguyễn Trọng Hà - Thành viên Hội đồng quản trị	134.063.240	30.000.000	164.063.240
Ông Nguyễn Hoàng Nam - Thành viên Hội đồng quản trị		26.666.667	26.666.667
Ông Nguyễn An Ninh - Thành viên Hội đồng quản trị	84.380.733	26.666.667	111.047.400
Ông Nguyễn Đăng Duẩn - Trưởng Ban kiểm soát	-	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Nghị - Thành viên Ban kiểm soát	-	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Văn Thắng - Thành viên Ban kiểm soát	-	18.000.000	18.000.000
<b>Cộng</b>	<b>482.253.405</b>	<b>239.833.334</b>	<b>722.086.739</b>

**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Camimex Foods	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Camimex Quảng Trị	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Camimex (tên cũ là Công ty TNHH LD Công nghệ cao Camimex)	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Camimex - Nutrition	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải	Công ty có mối quan hệ mật thiết với các thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát	Công ty có mối quan hệ mật thiết với các thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Thủy sản Ngân Thiên Phú	Công ty liên quan của thành viên Hội đồng quản trị của công ty con

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Ngoài các giao dịch phát sinh với Công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên khác không phải là Công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải</b>		
Mua hàng	107.595.050.803	64.559.540.034
Phí dịch vụ vận chuyển	237.900.000	-
Vay tiền không lãi suất	57.525.000.000	54.848.322.691
Trả tiền vay	(66.717.929.297)	(80.252.054.123)
<b>Công ty Cổ phần Công nghệ cao Camimex (tên cũ là Công ty TNHH LD Công nghệ cao Camimex)</b>		
Góp vốn bằng tiền	620.000.000	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (liếp theo)**

Trả tiền vay	(5.000.000.000)	-
<b>Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát</b>		
Mua hàng	-	14.291.292.860
Chi phí gia công	267.455.900	-
Vay tiền không lãi suất	-	27.250.000.000
<b>Công ty TNHH Thủy sản Ngân Thiên Phú</b>		
Mua hàng	-	55.749.196.945

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận do Tập đoàn công bố. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5a, V.14a và V.20a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

### 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

#### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Tập đoàn chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là hoạt động thủy sản gồm: Chế biến hàng thủy sản, gia công hàng thủy sản, mua bán hàng thủy sản và nuôi trồng thủy sản. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.3.

#### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố ở trong nước và nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Trong nước	345.235.476.663	133.468.600.679
Nước ngoài	560.478.188.105	579.173.327.160
<b>Cộng</b>	<b>905.713.664.768</b>	<b>712.641.927.839</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ** (tiếp theo)

---

### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Cà Mau, ngày 26 tháng 8 năm 2021

  
Nguyễn Thị Lam  
Người lập

  
Huỳnh Công Nhân  
Kế toán trưởng



  
Huỳnh Văn Tấn  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau  
 BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	200.793.576.060	335.915.662.532	40.896.825.953	3.476.695.043	581.082.759.588
Mua trong kỳ	6.067.904.576	3.145.298.800	1.897.203.636	-	11.110.407.012
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành		57.500.228	325.909.091	-	383.409.319
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>206.861.480.636</b>	<b>339.118.461.560</b>	<b>43.119.938.680</b>	<b>3.476.695.043</b>	<b>592.576.575.919</b>
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	25.144.283.145	59.205.508.326	2.512.156.357	1.326.524.771	88.188.472.599
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	82.019.644.776	167.558.427.373	19.355.991.475	2.452.091.765	271.386.155.389
Khấu hao trong kỳ	6.382.569.243	11.114.946.277	2.526.272.216	45.883.331	20.069.671.067
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>88.402.214.019</b>	<b>178.673.373.650</b>	<b>21.882.263.691</b>	<b>2.497.975.096</b>	<b>291.455.826.456</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	118.773.931.284	168.357.235.159	21.540.834.478	1.024.603.278	309.696.604.199
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>118.459.266.617</b>	<b>160.445.087.910</b>	<b>21.237.674.989</b>	<b>978.719.947</b>	<b>301.120.749.463</b>

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng  
 Đang chờ thanh lý

Cà Mau, ngày 26 tháng 8 năm 2021



*(Handwritten signature)*

Huỳnh Công Nhàn  
 Kế toán trưởng

*(Handwritten signature)*  
 Nguyễn Thị Lam  
 Người lập



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thằng, xóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

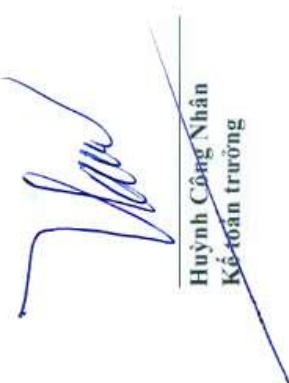
**Phụ lục 02: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	361.620.417	-	170.625.742	(468.691.096)	63.555.063	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	6.258.106.097	-	-	-	6.258.106.097
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.947.020.666	-	6.507.517.621	(5.465.031.107)	9.989.507.180	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.293.096.993	-	589.204.216	(1.394.675.793)	564.871.300	77.245.884
Thuế nhà đất	-	-	13.122.648	(13.122.648)	-	-
Thuế tài nguyên	8.200.400	-	72.110.000	(66.732.400)	13.578.000	-
Các loại thuế khác	-	-	21.000.000	(21.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	29.565.000	(29.565.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>10.609.938.476</b>	<b>6.258.106.097</b>	<b>7.403.145.227</b>	<b>(7.458.818.044)</b>	<b>10.631.511.543</b>	<b>6.335.351.981</b>

Đơn vị tính: VND

Cà Mau, ngày 26 tháng 8 năm 2021



  
 Huỳnh Công Nhân  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Thị Lam  
 Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

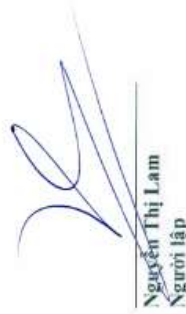
**Phụ lục 03: Bảng chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Đơn vị tính: VND					
	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	367.097.736.688	812.900.448.585	-	(752.654.121.749)	(133.395.824)	427.210.667.700
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	62.673.127.194	144.450.000.000	-	(156.688.885.270)	-	50.434.241.924
Vay ngắn hạn các cá nhân	67.487.000.000	215.325.000.000	-	(209.823.731.896)	-	72.988.268.104
Trái phiếu thường ngắn hạn	99.449.701.940	550.298.060	-	(100.000.000.000)	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	9.570.274.280	-	3.411.240.000	(6.055.544.705)	(1.548.375)	6.924.421.200
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	8.763.641.166	-	4.267.617.510	(3.608.460.078)	-	9.422.798.598
<b>Cộng</b>	<b>615.041.481.268</b>	<b>1.173.225.746.645</b>	<b>7.678.857.510</b>	<b>(1.228.830.743.698)</b>	<b>(134.944.199)</b>	<b>566.980.397.526</b>

Cà Mau, ngày 26 tháng 8 năm 2021



  
 Huỳnh Công Nhân  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Thị Lam  
 Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Phụ lục 04: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Đơn vị tính: VND
										Cộng	
Số dư đầu năm trước	132.212.340.000	-	5.106.126.126	-	1.995.223.836	-	25.899.534.021	-	179.254.872.554	-	344.468.096.537
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	21.566.610.418	-	6.353.957.590	-	27.920.568.008
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền trong kỳ này	132.212.340.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	132.212.340.000
Tăng vốn tại Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	8.600.000.000	-	8.600.000.000
Anh hưởng do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	2.083.409.743	-	(2.083.409.743)	-	-
Tăng/(giảm) do ảnh hưởng hợp nhất kinh doanh kỳ trước	-	-	-	-	-	-	348.984.464	-	(348.984.464)	-	-
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>264.424.680.000</b>	-	<b>5.106.126.126</b>	-	<b>1.995.223.836</b>	-	<b>49.898.538.646</b>	-	<b>191.776.435.937</b>	-	<b>513.201.004.545</b>
Số dư đầu năm nay	304.087.510.000	-	5.106.126.126	-	542.933.836	-	48.597.749.007	-	199.359.784.380	-	557.694.103.349
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	25.144.854.518	-	6.418.266.501	-	31.563.121.019
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>304.087.510.000</b>	-	<b>5.106.126.126</b>	-	<b>542.933.836</b>	-	<b>73.742.603.525</b>	-	<b>205.778.050.881</b>	-	<b>589.257.224.368</b>

Cà Mau, ngày 26 tháng 8 năm 2021



*(Signature)*  
 Huỳnh Công Nhân  
 Kế toán trưởng

*(Signature)*  
 Nguyễn Thị Lam  
 Người lập